

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong các lĩnh vực hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, nhà ở và công sở, vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng tỉnh Tiền Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám định tư pháp xây dựng, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính được ban hành sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, kiến trúc quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 20 thủ tục hành chính (cấp tỉnh: 13 thủ tục, cấp huyện: 07 thủ tục) trong các lĩnh vực hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, nhà ở và công sở, vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng tỉnh Tiền Giang (có danh mục kèm theo);

Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính được ban hành kèm theo các Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016, Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016, Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Giao Giám đốc các Sở: Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính tại đơn vị theo đúng quy định đối với những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế:

Quyết định số 1778/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đã chuẩn hóa về nội dung;

Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình chuyên ngành đã chuẩn hóa về nội dung;

Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Xây dựng tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *zlk*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KS TTHC);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PVP Lê Văn Hùng,
P. KSTTHC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT (Hiếu).

2 *M*

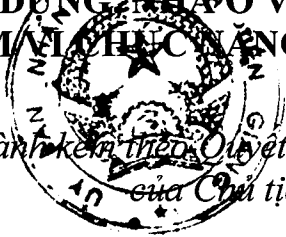
KT. CHỦ TỊCH *zlk*
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ, VẬT LIỆU XÂY DỰNG THUỘC
PHẠM VI THỰC HÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ XÂY DỰNG
TỈNH TIỀN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)



I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A. LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ

1. Công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư - 1.006873

a) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang - Số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang (Quầy số 04).

- Thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Nghị định số 30/2019/NĐ-CP ngày 28/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định việc phân hạng và công nhận hạng nhà chung cư.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử: 15 ngày

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ	Trung tâm Phục vụ	1/2 ngày

	chức (trực tiếp, qua Bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến và qua fax, email); scan hồ sơ; vào sổ nhận hồ sơ	hành chính công tỉnh	
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	1/2 ngày
		Chuyên viên	12.5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	1/2 ngày
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1/2 ngày
4	Đóng dấu vào sổ, chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn phòng sở	1/2 ngày
5	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giờ hành chính

2. Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư - 1.006876

a) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang - Số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Quầy số 04).

- Thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Nghị định số 30/2019/NĐ-CP ngày 28/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định việc phân hạng và công nhận hạng nhà chung cư.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử: 15 ngày

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua Bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến và qua fax, email); scan hồ sơ; vào sổ nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1/2 ngày
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	1/2 ngày
		Chuyên viên	12.5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	1/2 ngày
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1/2 ngày
4	Đóng dấu vào sổ, chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn phòng sở	1/2 ngày
5	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giờ hành chính

B. LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG**1. Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng - 1.006871****a) Thời hạn giải quyết:**

Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp quy.

b) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang - Số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang (Quầy số 04).

- Thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí:

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.

d) Căn cứ pháp lý:

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN;

- Thông tư số 10/2017/TT-BXD ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và hướng dẫn chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử: 40 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua Bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến và qua fax, email); scan hồ sơ; vào sổ nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	04 giờ
		Chuyên viên	20 giờ
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	04 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Đóng dấu vào sổ, chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn phòng sở	04 giờ
5	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giờ hành chính

C. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

1. Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 5 Điều 10 của Nghị định 59 được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42 Khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP) - 1.006930.000.00.00.H58.

a) Thời hạn giải quyết:

Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau:

- Đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh:
 - + Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B;
 - + Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C.
- Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh:
 - + Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm B;
 - + Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C.

b) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang - Số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

+ Quầy số 03: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;

+ Quầy số 04: Sở Xây dựng;

+ Quầy số 06: Sở Giao thông vận tải;

+ Quầy số 13: Sở Công Thương;

+ Quầy số 14: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

Ghi chú:

Thẩm quyền thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh của Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được quy định tại khoản 5 Điều 76 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. Riêng, thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở/ thiết kế cơ sở điều chỉnh công trình sử dụng vốn khác của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phí, lệ phí:

Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ghi chú:

- Kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, nộp phí bằng 50% mức phí quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC. Trong thời gian có hiệu lực của Thông tư số 34/2020/TT-BTC, không nộp phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở theo mức quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC.

- Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, nộp phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở theo mức quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

- Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực xây dựng;

- Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về quy định phân cấp thực hiện công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử:

- Đối với Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Áp dụng theo quy định tại Khoản 7, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến và các quy trình nội bộ, liên thông, điện tử đối với các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Xây dựng tỉnh Tiền Giang.

- Đối với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Áp dụng theo quy định tại Khoản 7, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thay đổi chức năng của Sở thành Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh).

2. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) - 1.006938.000.00.00.H58.

a) Thời hạn giải quyết:

Tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau: Không quá 20 ngày.

b) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang - Số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- + Quầy số 03: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;
 - + Quầy số 04: Sở Xây dựng;
 - + Quầy số 06: Sở Giao thông vận tải;
 - + Quầy số 13: Sở Công Thương;
 - + Quầy số 14: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;
 - Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

Ghi chú:

Thẩm quyền thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) của Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được quy định tại khoản 5 Điều 76 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. Riêng, thẩm quyền thẩm định thiết kế bản vẽ thi công/thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh công trình sử dụng vốn khác của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phí, lệ phí:

Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Ghi chú:

- Kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, nộp phí bằng 50% mức phí quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC. Trong thời gian có hiệu lực của Thông tư số 34/2020/TT-BTC, không nộp phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở theo mức quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC.

- Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, nộp phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở theo mức quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

- Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực xây dựng;

- Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về quy định phân cấp thực hiện công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử:

- Đối với Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Áp dụng theo quy định tại Khoản 8, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đối với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Áp dụng theo quy định tại Khoản 8, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thay đổi chức năng của Sở thành Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh).

3. Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ; Khoản 9, 10 và 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP) - 1.006940.000.00.00.H58.

a) Thời hạn giải quyết:

- Đối với công trình cấp II và cấp III: Không quá 30 ngày.

- Đối với các công trình còn lại: Không quá 20 ngày.

b) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang - Số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

+ Quầy số 03: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;

+ Quầy số 04: Sở Xây dựng;

- + Quầy số 06: Sở Giao thông vận tải;
- + Quầy số 13: Sở Công Thương;
- + Quầy số 14: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

Ghi chú:

Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh của Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được quy định tại khoản 5 Điều 76 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. Riêng, thẩm quyền thẩm định thiết kế/ thiết kế điều chỉnh công trình sử dụng vốn khác của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phí, lệ phí:

Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Ghi chú:

- Kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, nộp phí bằng 50% mức phí quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC. Trong thời gian có hiệu lực của Thông tư số 34/2020/TT-BTC, không nộp phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở theo mức quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC.

- Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, nộp phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở theo mức quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

- Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực xây dựng;

- Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về quy định phân cấp thực hiện công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử:

- Đối với Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Áp dụng theo quy định tại Khoản 9, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đối với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Áp dụng theo quy định tại Khoản 9, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thay đổi chức năng của Sở thành Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh).

4. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài - 1.006949.000.00.00.H58

a) Thời hạn giải quyết:

Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp trực tiếp tại:

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang - Số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Vị trí tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính của các đơn vị như sau:

. Quầy số 03: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;

. Quầy số 04: Sở Xây dựng.

+ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các công trình thuộc thẩm giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

Ghi chú:

- Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng, trừ các công trình cấp đặc biệt và các công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, bao gồm:

- + Công trình cấp I, cấp II;
- + Công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh;
- + Công trình quảng cáo gồm: Xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời có diện tích một mặt từ 20m² trở lên; xây dựng biển hiệu, bảng quảng cáo có diện tích một mặt trên 20m² kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng tương tự gắn vào công trình xây dựng có sẵn; bảng quảng cáo đứng độc lập có diện tích một mặt từ 40m² trở lên;
- + Công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;
- + Công trình thuộc dự án.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng các công trình còn lại và nhà ở riêng lẻ ở đô thị, bao gồm cả nhà ở riêng lẻ trong khu vực đã được nhà nước công nhận bảo tồn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ các công trình cấp đặc biệt và các công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp giấy phép xây dựng các công trình nằm trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc phạm vi quản lý, trừ các công trình cấp đặc biệt.

c) Phí, lệ phí:

150.000 đồng /1 giấy phép.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng;
- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;
- Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;
- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử:

- Đối với Sở Xây dựng áp dụng theo quy định tại Khoản 5, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đối với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Áp dụng theo quy định tại Khoản 5, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thay đổi chức năng của Sở thành Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh).

- Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện: Áp dụng theo quy định tại Khoản 2, mục I, phần B của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài - 1.007197.000.00.00.H58

a) Thời hạn giải quyết:

Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp trực tiếp tại:

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang - Số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Vị trí tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính của các đơn vị như sau:

. Quầy số 03: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;

. Quầy số 04: Sở Xây dựng.

+ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các công trình thuộc thẩm giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

Ghi chú:

- Sở Xây dựng điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng, trừ các công trình cấp đặc biệt và các công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, bao gồm:

+ Công trình cấp I, cấp II;

+ Công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh;

+ Công trình quảng cáo gồm: Xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời có diện tích một mặt từ 20m² trở lên; xây dựng biển hiệu, bảng quảng cáo có diện tích một mặt trên 20m² kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng

tương tự gắn vào công trình xây dựng có sẵn; bảng quảng cáo đứng độc lập có diện tích một mặt từ 40m² trở lên;

- + Công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;
- + Công trình thuộc dự án.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện điều chỉnh cấp giấy phép xây dựng các công trình còn lại và nhà ở riêng lẻ ở đô thị, bao gồm cả nhà ở riêng lẻ trong khu vực đã được nhà nước công nhận bảo tồn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ các công trình cấp đặc biệt và các công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh điều chỉnh giấy phép xây dựng các công trình nằm trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc phạm vi quản lý, trừ các công trình cấp đặc biệt.

c) Phí, lệ phí:

150.000 đồng /1 giấy phép.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng;
- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;
- Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;
- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử:

- Đối với Sở Xây dựng áp dụng theo quy định tại Khoản 5, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đối với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Áp dụng theo quy định tại Khoản 5, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thay đổi chức năng của Sở thành Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh).

- Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện: Áp dụng theo quy định tại Khoản 1, mục I, phần B của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài - 1.007203.000.00.00.H58

a) Thời hạn giải quyết:

Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp trực tiếp tại:

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang - Số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Vị trí tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính của các đơn vị như sau:

. Quầy số 03: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;

. Quầy số 04: Sở Xây dựng.

+ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các công trình thuộc thẩm giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

Ghi chú:

- Sở Xây dựng gia hạn giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng, trừ các công trình cấp đặc biệt và các công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, bao gồm:

+ Công trình cấp I, cấp II;

+ Công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh;

+ Công trình quảng cáo gồm: Xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời có diện tích một mặt từ 20m² trở lên; xây dựng biển hiệu, bảng quảng cáo có diện tích một mặt trên 20m² kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng tương tự gắn vào công trình xây dựng có sẵn; bảng quảng cáo đứng độc lập có diện tích một mặt từ 40m² trở lên;

+ Công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

+ Công trình thuộc dự án.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện gia hạn cấp giấy phép xây dựng các công trình còn lại và nhà ở riêng lẻ ở đô thị, bao gồm cả nhà ở riêng lẻ trong khu vực đã được nhà nước công nhận bảo tồn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ các công trình cấp đặc biệt và các công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh gia hạn giấy phép xây dựng các công trình nằm trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc phạm vi quản lý, trừ các công trình cấp đặc biệt.

c) Phí, lệ phí:

15.000 đồng /1 giấy phép.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng;
- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;
- Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;
- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử:

- Đối với Sở Xây dựng áp dụng theo quy định tại Khoản 6, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Đối với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Áp dụng theo quy định tại Khoản 6, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thay đổi chức năng của Sở thành Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh).
- Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện: Áp dụng theo quy định tại Khoản 3, mục I, phần B của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài - 1.007207.000.00.00.H58

a) Thời hạn giải quyết: Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp trực tiếp tại:
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang - Số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Vị trí tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính của các đơn vị như sau:
 - . Quầy số 03: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;
 - . Quầy số 04: Sở Xây dựng.
 - + Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các công trình thuộc thẩm giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Hoặc thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Hoặc thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

Ghi chú:

- Sở Xây dựng cấp lại giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng, trừ các công trình cấp đặc biệt và các công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, bao gồm:

+ Công trình cấp I, cấp II;

+ Công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh;

+ Công trình quảng cáo gồm: Xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời có diện tích một mặt từ 20m² trở lên; xây dựng biển hiệu, bảng quảng cáo có diện tích một mặt trên 20m² kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng tương tự gắn vào công trình xây dựng có sẵn; bảng quảng cáo đứng độc lập có diện tích một mặt từ 40m² trở lên;

+ Công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

+ Công trình thuộc dự án.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp lại giấy phép xây dựng các công trình còn lại và nhà ở riêng lẻ ở đô thị, bao gồm cả nhà ở riêng lẻ trong khu vực đã được nhà nước công nhận bảo tồn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ các công trình cấp đặc biệt và các công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp lại giấy phép xây dựng các công trình nằm trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc phạm vi quản lý, trừ các công trình cấp đặc biệt.

c) Phí, lệ phí:

15.000 đồng /1 giấy phép.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử:

- Đối với Sở Xây dựng áp dụng theo quy định tại Khoản 6, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đối với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Áp dụng theo quy định tại Khoản 6, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thay đổi chức năng của Sở thành Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh).

- Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện: Áp dụng theo quy định tại Khoản 3, mục I, phần B của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài - 1.007145.000.00.00.H58

a) Thời hạn giải quyết:

Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp trực tiếp tại:

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang - Số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Vị trí tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính của các đơn vị như sau:

. Quầy số 03: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;

. Quầy số 04: Sở Xây dựng.

+ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các công trình thuộc thẩm giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Hoặc thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Hoặc thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

Ghi chú:

- Sở Xây dựng cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với các công trình xây dựng, trừ các công trình cấp đặc biệt và các công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, bao gồm:

+ Công trình cấp I, cấp II;

+ Công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh;

+ Công trình quảng cáo gồm: Xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời có diện tích một mặt từ 20m² trở lên; xây dựng biển hiệu, bảng quảng cáo có diện tích một mặt trên 20m² kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng tương tự gắn vào công trình xây dựng có sẵn; bảng quảng cáo đứng độc lập có diện tích một mặt từ 40m² trở lên;

+ Công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

+ Công trình thuộc dự án.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo xây dựng các công trình còn lại và nhà ở riêng lẻ ở đô thị, bao gồm cả nhà ở riêng lẻ trong khu vực đã được nhà nước công nhận bảo tồn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ các công trình cấp đặc biệt và các công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo các công trình nằm trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc phạm vi quản lý, trừ các công trình cấp đặc biệt.

c) Phí, lệ phí:

150.000 đồng /1 giấy phép.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử:

- Đối với Sở Xây dựng áp dụng theo quy định tại Khoản 5, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đối với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Áp dụng theo quy định tại Khoản 5, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thay đổi chức năng của Sở thành Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh).

- Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện: Áp dụng theo quy định tại Khoản 2, mục I, phần B của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài - 1.007187.000.00.00.H58

a) Thời hạn giải quyết:

Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp trực tiếp tại:

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang - Số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Vị trí tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính của các đơn vị như sau:

. Quầy số 03: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;

. Quầy số 04: Sở Xây dựng.

+ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các công trình thuộc thẩm giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Hoặc thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Hoặc thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

Ghi chú:

- Sở Xây dựng cấp giấy phép di dời đối với các công trình xây dựng, trừ các công trình cấp đặc biệt và các công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, bao gồm:

+ Công trình cấp I, cấp II;

+ Công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh;

+ Công trình quảng cáo gồm: Xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời có diện tích một mặt từ 20m² trở lên; xây dựng biển hiệu, bảng quảng cáo có diện tích một mặt trên 20m² kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng tương tự gắn vào công trình xây dựng có sẵn; bảng quảng cáo đứng độc lập có diện tích một mặt từ 40m² trở lên;

+ Công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

+ Công trình thuộc dự án.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép di dời xây dựng các công trình còn lại và nhà ở riêng lẻ ở đô thị, bao gồm cả nhà ở riêng lẻ trong khu vực đã được nhà nước công nhận bảo tồn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ các công trình cấp đặc biệt và các công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp giấy phép di dời các công trình nằm trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc phạm vi quản lý, trừ các công trình cấp đặc biệt.

c) Phí, lệ phí:

150.000 đồng /1 giấy phép.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng;
- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;
- Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;
- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử:

- Đối với Sở Xây dựng áp dụng theo quy định tại Khoản 5, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Đối với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Áp dụng theo quy định tại Khoản 5, mục II, phần A của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thay đổi chức năng của Sở thành Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh).
- Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện: Áp dụng theo quy định tại Khoản 2, mục I, phần B của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

D. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành - 1.002696.000.00.00.H58.

a) Thời hạn giải quyết:

Không quá 10 ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra.

b) Địa điểm thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp trực tiếp tại:

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang - Số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

. Quầy số 03: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;

. Quầy số 04: Sở Xây dựng;

. Quầy số 06: Sở Giao thông vận tải;

. Quầy số 13: Sở Công Thương;

. Quầy số 14: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

Ghi chú:

Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được quy định tại Điều 5 của Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (ban hành kèm theo Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang).

c) **Phí, lệ phí:** Không có (chi phí để thực hiện được tính trong tổng mức đầu tư và do Chủ đầu tư thanh toán theo thực tế).

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

- Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

- Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về quy định phân cấp thực hiện công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử:

- Đối với các sở: Sở Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh:

Ghi chú:

+ Giai đoạn lập, thông báo kế hoạch và tổ chức kiểm tra: 10 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ.

+ Giai đoạn lập kết quả kiểm tra: 10 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua Bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm phục vụ Hành chính công	1/2 ngày
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	1/2 ngày
		Chuyên viên	6,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	01 ngày
3	Ký duyệt kế hoạch kiểm tra	Lãnh đạo Sở/Ban	01 ngày
4	Đóng dấu vào sổ, chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn phòng Sở/Ban	1/2 ngày
5	Trả kết quả kế hoạch kiểm tra cho tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giờ hành chính
6	Tổ chức thực hiện kiểm tra	Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng	Không tính thời gian

		chuyên ngành	
7	Soạn thảo văn bản kết quả kiểm tra	Chuyên viên	7,5 ngày
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	1 ngày
9	Ký duyệt kết quả kiểm tra	Lãnh đạo Sở/Ban	1 ngày
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn phòng Sở/Ban	1/2 ngày
11	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giờ hành chính

- Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua Bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	1/2 ngày
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	1/2 ngày
		Chuyên viên	7,5 ngày
3	Ký duyệt kế hoạch kiểm tra	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	01 ngày
4	Đóng dấu vào sổ, chuyển Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Chuyên viên	1/2 ngày
5	Trả kết quả kế hoạch kiểm tra cho tổ chức	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Giờ hành chính
6	Tổ chức thực hiện kiểm tra	Phòng Chuyên môn	Không tính thời gian
7	Soạn thảo văn bản kết quả kiểm tra	Chuyên viên	8,5 ngày
8	Ký duyệt kết quả kiểm tra	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	1 ngày
9	Đóng dấu vào sổ, chuyển Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Chuyên viên	1/2 ngày
10	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Giờ hành chính

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

A. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

1. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) - 1.007254.000.00.00.H58.

a) Thời hạn giải quyết:

Tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau: Không quá 20 ngày.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

Ghi chú:

Thẩm quyền thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) của Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phí, lệ phí:

Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ghi chú:

- Kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, nộp phí bằng 50% mức phí quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC. Trong thời gian có hiệu lực của Thông tư số 34/2020/TT-BTC, không nộp phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở theo mức quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC.

- Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, nộp phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở theo mức quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

- Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực xây dựng;

- Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về quy định phân cấp thực hiện công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử:

Áp dụng theo quy định tại Khoản 1, mục I, phần B của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh - 1.007262.000.00.00.H58

a) Thời hạn giải quyết:

- Đối với công trình: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với nhà ở riêng lẻ: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí:

- Đối với công trình: 150.000 đồng/giấy phép.

- Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử:

Áp dụng theo quy định tại Khoản 2, mục I, phần B của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh - 1.007286.000.00.00.H58

a) Thời hạn giải quyết:

- Đối với công trình: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với nhà ở riêng lẻ: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Hoặc thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Hoặc thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí:

- Đối với công trình: 150.000 đồng/giấy phép.

- Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử:

Áp dụng theo quy định tại Khoản 2, mục I, phần B của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh - 1.007266.000.00.00.H58

a) Thời hạn giải quyết:

- Đối với công trình: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với nhà ở riêng lẻ: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí:

- Đối với công trình: 150.000 đồng/giấy phép.

- Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử:

Áp dụng theo quy định tại Khoản 2, mục I, phần B của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh- 1.007288.000.00.00.H58

a) Thời hạn giải quyết:

Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí:

15.000 đồng/giấy phép.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử:

Áp dụng theo quy định tại Khoản 3, mục I, phần B của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh - 1.007287.000.00.00.H58

a) Thời hạn giải quyết:

Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí:

15.000 đồng/giấy phép.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử:

Áp dụng theo quy định tại Khoản 3, mục I, phần B của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Cấp giấy phép di dời đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh - 1.007285.000.00.00.H58

a) Thời hạn giải quyết:

- Đối với công trình: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với nhà ở riêng lẻ: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Địa điểm thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Hoạch thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Hoạch thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí:

- Đối với công trình: 150.000 đồng/giấy phép.

- Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

e) Quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình điện tử:

Áp dụng theo quy định tại Khoản 2, mục I, phần B của Phụ lục 2 được ban hành kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

